TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
V/v ly hôn giữa ông C và bà T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Duy C, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 26, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 26, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn ông Đỗ Duy C trình bày: Ông và bà Đặng Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T không quan tâm đến gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đặng Thị T.

Về nuôi con chung: Giữa ông và bà T có 03 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 18/11/1992; Đỗ Thị H, sinh ngày 01/12/1995 và Đỗ Duy Tr, sinh năm 1999 (cháu Tr đã chết năm 2017) còn 02 cháu lớn đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Bà Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng chị không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương thể hiện: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1973 là vợ ông Đỗ Duy C, sinh năm 1970 hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Xóm 26, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định, nhưng bà T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ thời gian trở về, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bà T không thể thực hiện việc tống đạt trực tiếp được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Duy C và bà Đặng Thị T.

- Về án phí DSST: Ông Đỗ Duy C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Duy C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Bà Đặng Thị T đã được Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 bà T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Duy C và bà Đặng Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 06/01/1991, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông C trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, ông bà đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn. Bà Đặng Thị T đã được Tòa án niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bà không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của ông C.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông C và bà T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Đặng Thị T của ông Đỗ Duy C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông C và bà T có 03 con chung là Đỗ Thị M, sinh ngày 18/11/1992; Đỗ Thị H, sinh ngày 01/12/1995 và Đỗ Duy Tr, sinh năm 1999. Cháu Tr đã chết năm 2017, còn cháu M và cháu H đã trưởng thành, lập gia đình riêng, ông C không yêu cầu giải quyết, bà T vắng mặt không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Ông C không yêu cầu giải quyết, bà T không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đỗ Duy C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Duy C và bà Đặng Thị T.

2. Về án phí: Ông Đỗ Duy C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp theo biên lai số 0004706, ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.